TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN EA KAR	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐẮK LẮK	
Bản án số: 22/2023/HS-ST	
Ngày 23/6/ 2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng và bà Vũ Thị Thanh Giang.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên toà: Ông Dương Minh Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đăk Lăk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HS ngày 09/6/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Ngô Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1982, tại tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Ngô Văn H, sinh năm 1954; Con bà: Vũ Thị L, sinh năm 1955; Bị cáo có vợ: Lưu Thị H1, sinh năm 1982; Có 03 con, lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2022 đến ngày 30/12/2022, được áp dụng biện pháp ngăn chặn c đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại.

Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

2. Họ và tên: Vũ Văn L1; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1982, tại tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Vũ Văn P, sinh năm 1950; Con bà: Ngô Thị M, sinh năm 1950; Bị cáo có vợ: Vũ Thị H2, sinh năm 1991; Có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2022 đến ngày 30/12/2022, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại.

Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1980, trú tại: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967, trú tại: Tổ dân phố E, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

3. Bà Lại Thị L2, sinh năm 1950, trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

4. Bà Vũ Thị M1, sinh năm 1964, trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

5. Bà Phạm Thị Đang P1, sinh năm 1971, trú tại: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

6. Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1981, trú tại: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

7. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989, trú tại: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

8. Bà Trần Thị M2, sinh năm 1985, trú tại: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

9. Bà Nay Thị B1, sinh năm 1973, trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

10. Bà Lâm Thị H3, sinh năm 1967 trú tại: Tổ dân phố D, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

11. Ông Khổng Văn Q, sinh năm 1972, trú tại: A X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

12. Bà Lê Thị P2, sinh năm 1968, trú tại: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

13. Bà Nguyễn Thị Thùy V, sinh năm 1987, trú tại: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

14. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1980, trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

15. Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1973, trú tại: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

16. Bà Nguyễn Thị Phương U, sinh năm 1994, trú tại: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

17. Bà Đào Thị C1, sinh năm 1988, trú tại: Thôn Đ, xã E huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

18. Bà Duy Thị Bích T2, sinh năm 1968, trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

19. Bà Ngô Thị H4, sinh năm 1970, trú tại: Buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

(Những người này vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

20. Bà Lưu Thị H1, sinh năm 1982, trú tại: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk*;*

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cuối tháng 10/2022, do biết việc cho vay tiền với lãi suất cao sẽ nhanh thu được lợi nhuận, nên Ngô Văn T và Vũ Văn L1 đã nảy sinh ý định cho người

khác vay tiền với lãi suất cao. Ngô Văn T và Vũ Văn L1 mỗi người góp 50.000.000 đồng, tổng số tiền hai người góp 100.000.000 đồng, mục đích để hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao dưới hình thức cho vay trả góp. Sau đó Ngô Văn T và Vũ Văn L1 in khoảng 1.000 tờ rơi với nội dung cho vay tiền *"Hỗ trợ vay vốn thủ tục đơn giản không thế chấp"* kèm theo số điện thoại 0989.734.057 của Vũ Văn L1 và số điện thoại 0338.647.811 của Ngô Văn T, rồi đi rải tờ rơi ở địa bàn huyện E và huyện K, tỉnh Đắk Lắk và trực tiếp đến các chợ tìm người dân để cho vay tiền. Sau khi người dân có nhu cầu vay tiền thì Ngô Văn T và Vũ Văn L1 trực tiếp đến gặp người vay để kiểm tra khả năng tài chính, khi thấy đủ điều kiện cho vay thì T hoặc L1 sẽ trực tiếp đưa tiền cho khách. Hàng ngày, T và L1 sử dụng số điện thoại 0989.734.057; 0338.647.811 để gọi điện nhắc người vay đóng tiền, sử dụng xe mô tô biển số 47F1-344.15 đi thu tiền của những người vay. Trong quá trình cho vay tiền, khi người dân gọi điện thoại hỏi vay thì Ngô Văn T và Vũ Văn L1 đều tự xưng tên là "Q1" nhằm để tránh lực lượng chức năng phát hiện.

Ngô Văn T và Vũ Văn L1 quy định lãi suất rồi thoả thuận với khách vay tiền cũng như cách thức vay tiền và thu thêm tiền phí của hợp đồng vay như sau: Nếu khách vay số tiền 3.000.000 đồng, sẽ thu trong 24 ngày, mỗi ngày thu 150.000 đồng tiền gốc và lãi, khi thu đủ sẽ được 600.000 đồng tiền lãi, khi vay thu thêm tiền phí của hợp đồng vay là 100.000 đồng; Nếu khách vay số tiền 5.000.000 đồng, sẽ thu trong 30 ngày, mỗi ngày thu 200.000 đồng tiền gốc và lãi, khi thu đủ sẽ được 1.000.000 đồng tiền lãi và thu thêm tiền phí của hợp đồng vay là 200.000 đồng; Nếu khách vay số tiền 7.500.000 đồng, sẽ thu trong 30 ngày, mỗi ngày thu 300.000 đồng tiền gốc và lãi, khi thu đủ sẽ được 1.500.000 đồng tiền lãi và thu thêm tiền phí của hợp đồng vay 300.000 đồng; Nếu khách vay 10.000.000 đồng, sẽ thu trong 30 ngày, mỗi ngày thu 400.000 đồng tiền gốc và lãi, khi thu đủ thì sẽ được 2.000.000 đồng tiền lãi và thu thêm tiền phí vay 400.000 đồng. Tương ứng với mức lãi suất 243,3% /năm. Để quản lý hoạt động cho vay Vũ Văn L1 trực tiếp quản lý và ghi chép sổ sách. Với cách thức hoạt động như trên Ngô Văn T và Vũ Văn L1 đã trực tiếp cho 19 người vay tiền, cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1980, trú tại thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vay 02 lần:

- Lần 1: Vào khoảng cuối tháng 11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (lãi suất tương ứng 243,3%/năm), đến nay bà B đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 2: Ngày 08/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà B đã đóng được 15 ngày với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc 2.500.000 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 2.500.000 đồng và tiền lãi đã thu 500.000 đồng, trừ 41.096 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 458.904 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà B vay là 10.000.000 đồng, số tiền lãi thu được 1.500.000 đồng đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.376.712 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967, trú tại TDP E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần:

- Lần 1: Vào khoảng cuối tháng 11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà C đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng

- Lần 2: Vào khoảng đầu tháng 12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà C đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 3: Ngày 19/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà C đã trả được 05 ngày với số tiền 1.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc 833.333 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 4.166.667 đồng và tiền lãi đã thu 166.667 đồng, trừ 13.699 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 152.968 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà C vay 15.000.000 đồng, số tiền lãi thu được 2.166.667 đồng, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 1.988.584 đồng

3. Bà Lại Thị L2, sinh năm 1950, trú tại: TDP C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần:

- Lần 1: Vào khoảng cuối tháng 11/2022, vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày phải trả 150.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm) đến nay bà L2 đã trả đủ tiền gốc 3.000.000 đồng, tiền lãi 600.000 đồng, trừ 39.452 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 560.548 đồng

- Lần 2: Ngày 18/12/2022, vay số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày phải trả 150.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà L2 đã đóng được 06 ngày với số tiền 900.000 đồng, trong đó số tiền gốc 750.000 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 2.250.000 đồng và tiền lãi đã thu 150.000 đồng, trừ 9.863 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 140.137 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà L2 vay là 6.000.000 đồng, số tiền lãi thu được 2.166.667 đồng, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 700.685 đồng.

4. Bà Vũ Thị M1, sinh năm 1964, trú tại: TDP 3a, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 06 lần:

+ Lần 1: Vào khoảng cuối tháng 11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà M1 đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng

+ Lần 2: Ngày 01/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà M1 đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

+ Lần 3: Ngày 04/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà M1 đã đóng được 20 ngày với số tiền 4.000.000 đồng, trong đó trả tiền gốc là 3.333.333 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 1.666.667 đồng và tiền lãi đã thu 666.667 đồng, trừ 54.795 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 611.872 đồng.

+ Lần 4: Ngày 17/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà M1 đã trả được 07 ngày với số tiền 1.400.000 đồng, trong đó số tiền gốc 1.166.667 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 3.333.333 đồng và tiền lãi đã thu 233.333 đồng, trừ 19.187 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 214.155 đồng.

+ Lần 5: Cuối tháng 11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà M1 đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

+ Lần 6: Ngày 06/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà M1 đã trả được 18 ngày với số tiền 3.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc 3.000.000 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 2.000.000 đồng tiền lãi đã thu 600.000 đồng, trừ 49.215 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 550.685 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà M1 vay là 30.000.000 đồng, số tiền lãi thu được 4.500.000 đồng, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 4.130.136 đồng.

5. Bà Phạm Thị Đang P1, sinh năm 1971, trú tại thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần:

- Lần 1: Vào khoảng cuối tháng 11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà P1 đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 2: Ngày 05/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà P1 đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 3: Ngày 20/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này đã trả được 04 ngày với số tiền 800.000 đồng, trong đó số tiền gốc 666.667 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 4.333.333 đồng và tiền lãi đã thu 133.333 đồng, trừ 10.959 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 122.374 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà P1 vay 15.000.000 đồng, số tiền lãi thu được 2.133.333 đồng, đã thu lợi bất chính số tiền 1.957.990 đồng.

6. Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1981, trú tại thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần:

- Lần 1: Ngày 26/11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà Đ đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 2: Ngày 03/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà Đ đã trả đủ, trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 3: Ngày 15/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,33%/năm), khoản vay này bà Đ đã trả được 09 ngày với số tiền 1.800.000 đồng, trong đó số tiền gốc 1.500.000 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 3.500.000 đồng và tiền lãi đã thu 300.000 đồng, trừ 24.658 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 275.342 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà Đ vay 15.000.000 đồng, số tiền lãi thu được 2.300.000 đồng, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 2.110.958 đồng.

7. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989, trú tại thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần:

- Lần 1: Ngày 28/11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà T1 đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. Lập và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 2: Ngày 13/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà T1 đã trả được 15 ngày với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc 2.500.000 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 2.500.000 đồng và tiền lãi đã thu 500.000 đồng, trừ 41.096 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 458.904 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà T1 vay 10.000.000 đồng, số tiền lãi thu được 1.500.000 đồng, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 1.376.712 đồng.

8. Bà Trần Thị M2, sinh năm 1985, trú tại thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần:

- Lần 1: Ngày 01/12/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 400.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà M2 đã trả đủ tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 2.000.000 đồng, trừ 164.384 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 1.835.616 đồng.

- Lần 2: Ngày 09/12/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 400.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà M2 đã trả được 17 ngày với số tiền 6.800.000 đồng, trong đó số tiền gốc 5.666.667 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 4.333.333 đồng, tiền lãi đã thu 1.133.333 đồng, trừ 93.151 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 1.040.183 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà M2 vay 20.000.000 đồng, số tiền lãi thu được 3.133.333 đồng, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 2.875.799 đồng.

9. Bà Nay Thị B1, sinh năm 1973, trú tại: K, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần:

- Lần 1: Ngày 25/11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà B1 đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 2: Ngày 21/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này đã trả được 02 ngày với số tiền 400.000 đồng, trong đó số tiền gốc 333.333 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 4.666.667 đồng và tiền lãi đã thu 66.667 đồng, trừ 5.479 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 61.187 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà B1 vay là 10.000.000 đồng, số tiền lãi thu được 1.066.667 đồng, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 978.995 đồng

10. Bà Lâm Thị H3, sinh năm 1967, trú tại TDP D, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần: Ngày 10/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà H3 đã trả được 14 ngày với số tiền 2.800.000 đồng, trong đó số tiền gốc 2.333.333 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 2.200.000 đồng và tiền lãi đã thu 466.667 đồng, trừ 38.356 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 428.311 đồng.

11. Ông Khổng Văn Q, sinh năm 1972, trú tại: Số A, X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần: Ngày 07/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này ông Q đã trả được 17 ngày với số tiền 3.400.000 đồng, trong đó số tiền gốc 2.833.333 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 2.166.667 đồng và tiền

lãi đã thu 566.667 đồng, trừ 46.575 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 520.092 đồng.

12. Bà Lê Thị P2, sinh năm 1968, trú tại thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần:

- Lần 1: Cuối tháng 11/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 400.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà P2 đã trả đủ tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 2.000.000 đồng, trừ 164.384 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 1.835.616 đồng.

- Lần 2: Ngày 08/12/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 400.000 đồng tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà P2 đã trả được 16 ngày với số tiền 6.400.000 đồng, trong đó số tiền gốc 5.333.333 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 4.666.667 đồng và tiền lãi đã thu 1.066.667 đồng, trừ 87.671 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 978.996 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà P2 vay là 20.000.000 đồng, số tiền lãi thu được 3.066.667 đồng, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 2.914.612 đồng.

13. Bà Nguyễn Thị Thùy V, sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần:

- Lần 1: Khoảng giữa tháng 11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà V đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 2: Ngày 21/11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà V đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 3: Ngày 16/12/2022, vay số tiền 7.500.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà V đã trả được 10 ngày với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc 2.500.000 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 5.000.000 đồng và tiền lãi đã thu 500.000 đồng, trừ 41.096 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 458.904 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà V vay là 17.500.000 đồng, số tiền lãi thu được 2.500.000 đồng, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 2.294.520 đồng.

14. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1980, trú tại: Khối B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vay 03 lần:

- Lần 1: Khoảng giữa tháng 11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà D đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi đã thu

1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 2: Ngày 26/11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà D đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 3: Ngày 12/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà D đã trả được 14 ngày với số tiền 2.800.000 đồng, trong đó số tiền gốc 2.333.333 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 2.666.667 đồng và tiền lãi đã thu 466.667 đồng, trừ 38.356 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 428.311 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà D vay là 15.000.000 đồng, số tiền lãi thu được 2.466.667 đồng, đã thu lợi bất chính số tiền 2.263.927 đồng.

15. Bà Huỳnh Thúy A1, sinh năm 1973, trú tại thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần:

- Lần 1: Cuối tháng 11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà A1 đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808đ.

- Lần 2: Ngày 05/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà A1 đã trả được 20 ngày với số tiền 4.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc 3.333.333 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 1.666.667 đồng và tiền lãi đã thu 666.667 đồng, trừ 54.794 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 611.872 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà A1 vay là 10.000.000 đồng, số tiền lãi thu được 1.666.667 đồng, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 1.529.680 đồng

16. Bà Nguyễn Thị Phương U, sinh năm 1994, trú tại thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần:

- Lần 1: Ngày 26/10/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà U đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 2: Ngày 21/11/2022, vay số tiền 7.500.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 300.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,33%/năm), đến nay bà U đã trả đủ tiền gốc 7.500.000 đồng, tiền lãi đã thu 1.500.000 đồng, trừ 123.288 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 1.376.712 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà U vay 12.500.000 đồng, số tiền lãi thu được 2.500.000 đồng, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 2.294.520 đồng.

17. Bà Đào Thị C1, sinh năm 1988, trú tại thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vay 01 lần: Ngày 12/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,33%/năm), khoản vay này bà C1 đã trả được 12 ngày với số tiền 2.400.000 đồng, trong đó tiền gốc 2.000.000 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 2.600.000 đồng và tiền lãi đã thu 400.000 đồng, trừ 32.876 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 367.124 đồng.

18. Bà Duy Thị Bích T2, sinh năm 1968, trú tại tổ dân phố A, thị trấn P, K, tỉnh Đắk Lắk. Tên thường gọi "T2 bói":

Dây 1: Vay 02 lần:

- Lần 1: Vào khoảng cuối tháng 11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà T2 đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 2: Ngày 03/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà T2 đã trả được 19 ngày với số tiền 3.800.000 đồng, trong đó tiền gốc 3.166.666 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 2.600.000 đồng và tiền lãi đã thu 633.334 đồng, trừ 52.054 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 581.280 đồng.

Dây 2: Vay 01 lần: Ngày 01/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà T2 đóng đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà T2 vay là 15.000.000 đồng, số tiền lãi thu được 2.633.334 đồng, đã thu lợi bất chính số tiền 2.416.896 đồng.

19. Bà Ngô Thị H4, sinh năm 1970, trú tại buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tên thường gọi: "H Phước A" vay 03 lần:

- Lần 1: Khoảng giữa tháng 11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà H4 đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 2: Ngày 28/11/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), đến nay bà H4 đã trả đủ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, trừ 82.192 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

- Lần 3: Ngày 13/12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), khoản vay này bà H4 đã đóng được 11 ngày với số tiền 2.200.000 đồng, trong đó tiền gốc 1.833.333 đồng, số tiền nợ gốc chưa trả 3.166.667 đồng và tiền lãi đã thu 336.667 đồng, trừ 30.136 đồng tiền lãi theo quy định. L1 và T đã thu lợi bất chính số tiền 306.531 đồng.

Vậy, tổng số tiền T và L1 cho bà H4 vay 15.000.000 đồng, số tiền lãi thu được 2.336.667 đồng, đã thu lợi bất chính tổng số tiền 2.142.147 đồng.

Như vậy, Ngô Văn T và Vũ Văn L1 đã bỏ ra số tiền gốc cho vay ban đầu 100.000.000 đồng. Sau khi thu được tiền của người vay thì T và L1 tiếp tục xoay vòng vốn, cho những người khác tiếp tục vay để thu lợi. Tổng số tiền vốn cho 19 người vay là 251.000.000 đồng. Tổng số tiền đã thu được là 238.570.000 đồng. Trong đó số tiền gốc thu được là 190.916.664 đồng, số tiền gốc người vay còn nợ là 60.083.336 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu 37.653.336 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính 34.568.392 đồng (*Ba mươi tư triệu, năm trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm chín mươi hai đồng*).

Bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 15/ 5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố các bị cáo Ngô Văn T, Vũ Văn L1 về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Ngô Văn T, Vũ Văn L1 về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt tiền bị cáo Ngô Văn T, Vũ Văn L1 mỗi bị cáo từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Về TNDS: Đề nghị truy thu đối với bị cáo Ngô Văn T, bị cáo Vũ Văn L1 số tiền gốc và tiền lãi 20%/năm mà các bị cáo đã nhận được từ những người vay để sung vào ngân sách Nhà nước. Buộc những người đã vay tiền phải nộp số tiền nợ gốc đã vay mà chưa trả để sung vào quỹ Nhà nước. Đối với tiền lãi tương ứng mức lãi suất trên 20% và tiền phí mà Ngô Văn T, Vũ Văn L1 đã nhận là khoản tiền thu lợi bất chính, cần trả cho những người đi vay.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của Ngô Văn T; chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen và chiếc điện thoại Samsung Galaxy A04 mà đen của Vũ Văn L1. Đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội.

Tịch thu và tiêu hủy sim số thuê bao 0971.079.757; 0941.795.187; 0989.734.057; 0941.042.869. Đây là các công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, vật không còn giá trị sử dụng.

Đối với 01 cuốn vở học sinh nhãn hiệu "Măng non" bên trong có ghi tên người, địa chỉ, ngày tháng, những con số thể hiện nội dung cho nhiều người vay tiền của Vũ Văn L1 tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

Chấp nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar ra quyết định xử lý vật chứng số 21 ngày 11/5/2023, trả lại cho bà Lưu Thị H1 chiếc xe mô tô biển số 47F1-344.150 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên.

Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 9.000.000 đồng, đây là số tiền do bà Lưu Thị H1 tự nguyện giao nộp.

Các bị cáo và những người liên quan đều không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội Viện kiểm sát đã truy tố, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Trong thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022, các bị cáo Ngô Văn T, Vũ Văn L1 đã cho 19 người dân vay với tổng số tiền 251.000.000 đồng với mức lãi suất 243,3%/năm *(gấp 12,33 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Nhà nước quy định)*, (trong đó tổng tiền lãi đã thu là 37.653.336 đồng). Sau khi trừ mức lãi suất 20% Nhà nước quy định là 3.085.007 đồng thì Ngô Văn T, Vũ Văn L1 đã thu lợi bất chính 34.568.392 đồng. Do đó, Hành vi của các bị cáo Ngô Văn T, Vũ Văn L1 đã phạm vào tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự",* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Bộ luật* H*ình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo Ngô Văn T, Vũ Văn L1 gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý về kinh tế của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Mặc dù các bị cáo biết hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm, bị pháp luật cấm, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Nên trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022 các bị cáo Ngô Văn T, Vũ Văn L1 đã thực hiện cho một số người dân vay tiền và thu lợi bất chính với số tiền 34.568.392 đồng, cần phải xử lý các bị cáo cho tương xứng với hành vi, hậu quả do các bị cáo gây ra.

[3.1] Trong vụ án này, có 02 bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, với vai trò, mức độ phạm tội như nhau, nên cần xem xét để áp dụng hình phạt cho các bị cáo.

[3.2] Các tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.3] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn chấp hành đúng các quy định của địa phương nơi cư trú, các bị cáo có trình độ văn hóa thấp, nên việc nhận thức pháp luật có phần hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo sử dụng số tiền thu lợi bất chính để trang trải cho cá nhân. Những người đi vay khai nhận các bị cáo không có hành vi đe dọa, gây sức ép để thu hồi nợ, nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

[4]. Các biện pháp tư pháp:

Số tiền các bị cáo bỏ ra cho vay và tiền tiếp tục xoay vòng vốn (tiền gốc) đã thu được là 190.916.664 đồng và tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20% là 3.084.944 đồng. Tất cả tiền lãi và gốc trên mà các bị cáo Ngô Văn T, Vũ Văn L1 đã thu được từ những người đi vay, là tài sản phạm tội, nên phải bị truy thu để sung vào quỹ Nhà nước.

Trong số tiền gốc mà các bị cáo Ngô Văn T, Vũ Văn L1 cho vay thì còn nhiều người chưa trả cho các bị cáo. Do đó, cần buộc những người đã vay tiền phải nộp số tiền nợ gốc đã vay mà chưa trả để sung vào quỹ Nhà nước.

Đối với tiền lãi tương ứng mức lãi suất trên 20% và tiền phí mà Ngô Văn T, Vũ Văn L1 đã thu 44.568.392 đồng, đây là khoản tiền thu lợi bất chính cần trả cho những người vay là phù hợp**.**

[5]. Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, thu giữ của Ngô Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI 1: 352891103456212 + 01 sim số thuê bao 0971.079.757 số seri 89840487010308060 92; 01 cuốn vở học sinh nhãn hiệu "Măng non" bên trong có ghi tên người, địa chỉ, ghi ngày tháng, những con số thể hiện nội dung cho nhiều người vay tiền của Vũ Văn L1 (bản gốc).

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 47F1-344.15, số máy: G3D4E281577, số khung: 0610GY268323 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, biển số 47F1-344.15 mang tên Lưu Thị H1 .

Thu giữ của Vũ Văn L1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI: 3558200095708022 + 01 sim số thuê bao 0941.795.187 số seri 898402000105657609 64; IMEI 2: 355828093708027 gắn thẻ sim mạng Viettel, số thuê bao 0989.734.057 số seri 898404800007132214 3; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A04, màu đen, số IMEI 1: 350970302279161 + 01 thẻ sim số 0941.042.869 số seri 898402000106371818 27; IMEI 2: 355894252279168.

Xét thấy, đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen của Ngô Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen và 01 điện thoại di

động S A04, màu đen, của Vũ Văn L1 đây là công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, vật có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 sim số thuê bao 0971.079.757 của Ngô Văn T và 01 sim số thuê bao 0941.795.187 + 01 sim số thuê bao 0989.734.057 + số thuê bao 0941.042.869 của Vũ Văn L1 cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 cuốn vở học sinh nhãn hiệu "Măng non" bên trong có ghi tên người, địa chỉ, ngày tháng, những con số thể hiện nội dung cho nhiều người vay tiền của Vũ Văn L1 tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 47F1-344.15, số máy: G3D4E281577, số khung: 0610GY268323 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, biển số 47F1-344.15 mang tên Lưu Thị H1. Quá trình điều tra xác định chiếc xe này là tài sản chung của Ngô Văn T và bà Lưu Thị H1, được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, bản thân Ngô Văn T sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội, thì bà Lưu Thị H1 không biết, không có lỗi, nên cần tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe để sung ngân sách Nhà nước. Theo kết luận định giá tài sản, chiếc xe có giá trị là 18.000.000 đồng, bà H1 đã nộp 9.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra, nên ngày 11/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã trả lại chiếc xe trên và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên cho bà Lưu Thị H1, cần chấp nhận.

Quá trình điều tra xác định được, ngoài việc Ngô Văn T, Vũ Văn L1 cho 19 người vay với lãi suất gấp 12,33 lần so với lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định như đã nêu trên, thì Ngô Văn T, Vũ Văn L1 còn cho 11 người khác vay với lãi suất như trên, nhưng thông tin về nhân thân lai lịch, địa chỉ cư trú của những người này không rõ ràng, nên Cơ quan điều tra không thể tiến hành làm việc và xác minh được những người này, nên Cơ quan điều tra đã tách hành vi này để tiếp tục điều tra làm rõ

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar về tội danh và hình phạt và các biện pháp tư pháp đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh và hình phạt.

Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn T, Vũ Văn L1 phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".*

Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Phạt tiền đối với bị cáo Ngô Văn T, số tiền phạt là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* để sung ngân sách Nhà nước.

Phạt tiền đối với bị cáo Vũ Văn L1, số tiền phạt là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* để sung ngân sách Nhà nước.

[2]. Các biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[2.1] Truy thu của bị cáo Vũ Văn L1, Ngô Văn T số tiền gốc và tiền tiếp tục xoay vòng vốn (gọi là tiền gốc) là 190.916.664 đồng và tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20% là 3.084.944 đồng để sung ngân sách Nhà nước. Trong đó buộc truy thu của bị cáo Vũ Văn L1 số tiền là 97.000.804 đồng và buộc truy thu của bị cáo Ngô Văn T số tiền là 97.000.804 đồng.

[2.2] Truy thu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền 61.083.335 đồng nợ gốc đã vay của các bị cáo Vũ Văn L1 và Ngô Văn T nhưng chưa trả để sung vào ngân sách Nhà nước, gồm:

1. Bà Nguyễn Thị B, trú tại: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền là 2.500.00 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị C, trú tại TDP E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, số tiền là 4.166.667 đồng.

3. Bà Lại Thị L2, trú tại TDP C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk số tiền là 2.250.000 đồng.

4. Bà Vũ Thị M1, trú tại TDP 3a, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền là 7.000.000 đồng.

5. Bà Phạm Thị Đan P3, trú tại thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk số tiền là 4.333.333 đồng.

6. Bà Nguyễn Thị Kim Đ, trú tại thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền là 3.500.000 đồng.

7. Bà Nguyễn Thị T1, trú tại thôn 1a, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk số tiền là 2.500.000 đồng.

8. Bà Trần Thị M2, trú tại thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền là 4.333.333 đồng.

9. Bà Nay Thị B1, khối A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Số tiền là 4.666.666 đồng.

10. Bà Lâm Thị H3, trú tại TDP D, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền là 2.666.667 đồng.

11. Ông Khổng Văn Q, trú tại: Số A, X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, số tiền là 2.166.667 đồng.

12. Bà Lê Thị P2, trú tại thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk số tiền là 4.666.667đồng.

13. Bà Nguyễn Thị Thùy V, trú tại thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền là 5.000.000 đồng.

14. Bà Nguyễn Thị D, trú tại khối B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền là 3.666.667 đồng.

15. Bà Huỳnh Thúy Á1, trú tại thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền là 1.666.667 đồng.

16. Bà Đào Thị C1, trú tại thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, số tiền là 3.000.000 đồng.

17. Bà Duy Thị Bích T2, trú tại tổ dân phố A, thị trấn P, K, tỉnh Đắk Lắk, số tiền là 1.833.334 đồng.

18. Bà Ngô Thị H4, trú tại buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, số tiền là 3.166.667 đồng.

[2.3]. Buộc các bị cáo Vũ Văn L1 và Ngô Văn T phải trả lại số tiền tương ứng mức lãi suất trên 20% là 34.568.392 đồng và 10.000.000 đồng tiền thu phí vay, tổng cộng là 44.568.392 đồng cho 19 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có địa chỉ trên; cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị B số tiền là 1.776.712 đồng.
2. Bà Nguyễn Thị C số tiền là 2.588.584 đồng.
3. Bà Lại Thị L2 số tiền là 900.685 đồng.
4. Bà Vũ Thị M1 số tiền là 5.330.136 đồng.
5. Bà Phạm Thị Đang P1 số tiền là 2.557.990 đồng.
6. Bà Nguyễn Thị Kim Đ số tiền là 2.710.958 đồng.
7. Bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 1.776.712 đồng.
8. Bà Trần Thị M2 số tiền là 3.675.799 đồng.
9. Bà Nay Thị B1 số tiền là 1.378.995 đồng.
10. Bà Lâm Thị H3 số tiền là 628.311 đồng.
11. Ông Khổng Văn Q số tiền là 720.092 đồng.
12. Bà Lê Thị P2 số tiền là 3.714.612 đồng.
13. Bà Nguyễn Thị Thùy V số tiền là 2.994.520 đồng.
14. Bà Nguyễn Thị D số tiền là 2.863.927 đồng.
15. Bà Huỳnh Thúy Á1 số tiền là 1.929.680 đồng.
16. Bà Nguyễn Thị Phương U số tiền là 2.794.520 đồng.
17. Bà Đào Thị C1 số tiền là 567.124 đồng.
18. Bà Duy Thị Bích T2 số tiền là 3.016.896 đồng.
19. Bà Ngô Thị H4 số tiền là 2.742.147 đồng.

- Tịch thu và sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen của Ngô Văn T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen + 01 chiếc điện thoại di động S A04, màu đen của Vũ Văn L1. Đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội;

T3 tịch thu tiêu hủy 01 sim số thuê bao 0971.079.757 của Ngô Văn T và 01 sim số thuê bao 0941.795.187 + 01 Sim số thuê bao 0989.734.057 + số thuê bao 0941.042.869 của Vũ Văn L1.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/6/2023 được gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar)

+ Tiếp tục tạm giữ lưu hồ sơ vụ án 01 cuốn vở học sinh nhãn hiệu "Măng non" bên trong có ghi tên người, địa chỉ, ghi ngày tháng, những con số thể hiện nội dung cho nhiều người vay tiền của Vũ Văn L1 (bản gốc).

+ Chấp nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar ra quyết định xử lý vật chứng số 21 ngày 11/5/2023, trả lại cho bà Lưu Thị H1 là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển số 47F1-344.150 + 01giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, biển số 47F1-344.150.

+ Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 9.000.000 đồng, đây là số tiền do bà Lưu Thị Huyền v của bị cáo tự nguyện giao nộp. Được gửi vào tài khoản 39490104686800000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar (theo Phiếu thu số 0005960 ngày 30/5/2023).

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Ngô Văn T, bị cáo Vũ Văn L1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo**:** Báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND Tối cao;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Ea Kar;*
- *CCTHADS huyện Ea Kar;*
- *Bị cáo;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuân